TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **276**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/08/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố B.
Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 869/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hải V, sinh năm 1979
Thường trú: K5/64B, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1979
Thường trú: Tân Phong II, H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ cư trú: K5/64B, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
Hiện đang chấp hành án tại Đội 10, phân trại 1, Trại giam X, tỉnh Đồng Nai
(Bà V và ông M đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trương Thị Hải V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu M tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống giữa bà và ông M

thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay ông Nguyễn Hữu M đang chấp hành án ở Trại giam X, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của bà với ông M cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu M để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông M có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trương Hữu P, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Nguyễn Trương Gia H, sinh ngày 01/5/2013. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V khai bà và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M thống nhất ý kiến với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà V về việc cả hai tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và bà V xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Hai bên đã ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Hiện nay ông đang chấp hành án ở Trại giam X, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của ông và bà V cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V xin được ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà V có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trương Hữu P, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Nguyễn Trương Gia H, sinh ngày 01/5/2013. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu Phúc, cháu Hân cho bà Vy nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông không cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Ông M khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Thị Hải V.

- Về quan hệ con chung: giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Trương Hữu P, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Nguyễn Trương Gia H, sinh ngày 01/5/2013

cho bà V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông M không cấp dưỡng cho con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà V khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Trương Thị Hải V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Hải V nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: K5/64B, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông Nguyễn Hữu M cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; bà Trương Thị Hải V sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà V và ông M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Trương Thị Hải V khai thì bà và ông Nguyễn Hữu M tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại để hàn gắn vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện bà V và ông M đều thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà V - ông M không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc bà Trương Thị Hải V xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu M là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà V và ông M có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trương Hữu P, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Nguyễn Trương Gia H, sinh ngày 01/5/2013. Ly hôn, hai bên thống nhất giao cháu P, cháu H cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời cháu P và cháu H đều có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ (bà V). Vì vậy, giao cháu P, cháu H cho bà V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Tạm thời, ông M không cấp dưỡng cho con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà V, ông M khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ tách ra khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trương Thị Hải V phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hải V. Bà Trương Thị Hải V được ly hôn với ông Nguyễn Hữu M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Hữu P, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Nguyễn Trương Gia H, sinh ngày 01/5/2013 cho bà Trương Thị Hải V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Hải V phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007160 ngày 05/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Hải V và ông Nguyễn Hữu M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**